

Đào Thị Bích Hạnh & cộng sự (2025). Đánh giá hiệu quả quan hệ nhà đầu tư trong quản lý nợ công tại Việt Nam: Tiếp cận từ các tiêu chuẩn quốc tế. *Tạp chí nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 03(2025), 157 - 171

*Tạp chí Nghiên cứu
Chính sách
và Phát triển*

© Học viện
Chính sách
và Phát triển 2025
© CSR, 2025

Bài báo khoa học

Đánh giá hiệu quả quan hệ nhà đầu tư trong quản lý nợ công tại Việt Nam: Tiếp cận từ các tiêu chuẩn quốc tế

Đào Thị Bích Hạnh (TS)

Lê Thị Kim Oanh, Lại Nhật Linh,

Nguyễn Thùy Dung, Tạ Tiến Đạt, Nguyễn Ngọc Ánh

Học viện Chính sách và Phát triển

Email: daohanhhvtc@gmail.com

Ngày nhận bài:
05/11/2024
Bản sửa lại lần 1:
25/12/2024
Ngày duyệt bài:
05/01/2025

Mã số: TC031325

Tóm tắt:

Quan hệ nhà đầu tư (Investor Relations – IR) đóng vai trò then chốt trong quản lý nợ công, giúp tăng cường minh bạch thông tin, xây dựng lòng tin với nhà đầu tư và cải thiện khả năng huy động vốn trên thị trường quốc tế. Trong bối cảnh Việt Nam đang từng bước chuyển mình trở thành quốc gia thu nhập trung bình và hướng tới phát triển bền vững, nhu cầu về vốn – đặc biệt cho các chương trình chuyển đổi xanh – ngày càng gia tăng, trong khi khả năng tiếp cận các nguồn vay ưu đãi dần bị thu hẹp. Tuy nhiên, IR của Việt Nam hiện còn nhiều hạn chế so với các tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là về tính minh bạch, hạ tầng thông tin, và thiếu chiến lược IR chuyên biệt. Bài viết này phân tích thực trạng IR trong quản lý nợ công tại Việt Nam, dựa trên các tiêu chí đánh giá quốc tế do Viện Tài chính Quốc tế (IIF) công bố, đồng thời so sánh với một số quốc gia điển hình trong khu vực như Indonesia, Philippines. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động IR của Việt Nam, hướng tới cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia và tăng cường hiệu quả thu hút đầu tư. Phân tích được thực hiện thông qua phương pháp so sánh đối chiếu với bộ tiêu chí IR của IIF (2023) và dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo quốc tế, tài liệu pháp lý trong nước và thực tiễn tổ chức IR tại các quốc gia tiêu biểu.

Từ khóa: *Quan hệ nhà đầu tư, Quản lý nợ công, Xếp hạng tín nhiệm quốc gia, Tiêu chuẩn quốc tế, Tính minh bạch*

Abstract:

Investor Relations (IR) plays a key role in public debt management, helping to enhance information transparency, build investor confidence, and improve the ability to mobilize capital in the

international market. In the context of Vietnam gradually transforming into a middle-income country and moving towards sustainable development, the demand for capital - especially for green transformation programs - is increasing, while the ability to access preferential loans is gradually narrowing. However, Vietnam's IR is currently limited compared to international standards, especially in terms of transparency, information infrastructure, and lack of a specialized IR strategy. This article analyzes the current status of IR in public debt management in Vietnam, based on international assessment criteria published by the Institute of International Finance (IIF), and compares it with some typical countries in the region such as Indonesia and the Philippines. On that basis, the article proposes solutions to improve Vietnam's IR activities, aiming to improve the country's credit rating and increase the effectiveness of investment attraction. The analysis is conducted through a comparative method with the IIF's IR criteria (2023) and secondary data from international reports, domestic legal documents and IR organization practices in typical countries.

Keywords: *Investor Relations, Public Debt Management, National Credit Rating, International Standard, Transparency*

1. Đặt vấn đề

Quan hệ nhà đầu tư (Investor Relations – IR) ngày càng được coi là một công cụ chiến lược trong quản lý nợ công, đặc biệt trong bối cảnh các quốc gia phải duy trì lòng tin từ thị trường tài chính và kiểm soát rủi ro tài khóa. IR không chỉ giúp cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời và nhất quán cho nhà đầu tư, mà còn góp phần nâng cao xếp hạng tín nhiệm quốc gia và cải thiện khả năng tiếp cận thị trường vốn quốc tế.

Mặc dù IR đã trở thành thông lệ phổ biến tại nhiều quốc gia phát triển và đang phát triển, Việt Nam vẫn đang ở vị trí thấp trong

bảng xếp hạng IR quốc tế. Theo Báo cáo của Viện Tài chính Quốc tế (IIF, 2024), Việt Nam xếp thứ 43/50 về quan hệ nhà đầu tư vào năm 2024, do chưa có chiến lược cụ thể về quan hệ nhà đầu tư trong quản lý nợ công và các hạn chế khác. Sự đánh giá này ảnh hưởng không nhỏ đến xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Mặt khác, trong bối cảnh các quốc gia trong khu vực như Indonesia, Philippines liên tục cải thiện IR để thu hút vốn quốc tế hiệu quả, Việt Nam đang đứng trước áp lực lớn cần phải nhanh chóng hoàn thiện chiến lược IR nhằm nâng cao năng lực huy động vốn và giảm thiểu rủi ro tài chính.

Tầm quan trọng của IR đã được khẳng định trong Quyết định phê duyệt Đề án cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia đến năm 2030, của Chính phủ Việt Nam, với mục tiêu nâng hạng lên mức "xếp hạng đầu tư", giảm chi phí vay và củng cố vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Trong bối cảnh này, việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng IR trong quản lý nợ công và đề xuất các giải pháp cải thiện là hết sức cần thiết đối với Việt Nam. Do đó, bài viết hướng tới mục tiêu là đánh giá thực trạng IR trong quản lý nợ công ở Việt Nam dựa trên tiêu chuẩn IIF, so sánh với các nước trong khu vực và đề xuất giải pháp cải thiện.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Quan hệ nhà đầu tư (Investor Relations – IR) trong bối cảnh quản lý nợ công được định nghĩa là một cơ chế truyền thông hai chiều giữa cơ quan phát hành nợ (chính phủ) và cộng đồng nhà đầu tư nhằm nâng cao mức độ minh bạch, tạo niềm tin thị trường và hỗ trợ việc huy động vốn hiệu quả. Theo định nghĩa của National Investor Relations Institute (NIRI), IR là một chức năng quản lý chiến lược tích hợp giữa tài chính, truyền thông và tuân thủ pháp luật nhằm bảo đảm quá trình truyền thông hiệu quả giữa tổ chức phát hành và các bên tham

gia thị trường tài chính, từ đó hướng tới định giá công bằng các tài sản tài chính. Đối với khu vực chính phủ, Quan hệ nhà đầu tư (IR) có thể được hiểu là cơ chế mà thông qua đó chính phủ cung cấp các thông tin nhất quán về các công cụ tài chính như chiến lược vay, nhu cầu vay của chính phủ, thông tin chung về khuôn khổ quản lý nợ của chính phủ, cho các nhà đầu tư và duy trì mối quan hệ với họ. Đồng thời còn hướng tới đối tượng rộng lớn hơn, cho phép Quốc hội, người dân và cộng đồng quốc tế tiếp cận và đánh giá chi tiết hơn về tính minh bạch và khả năng quản trị lành mạnh của chính phủ.

Quan hệ Nhà đầu tư đang dần trở thành tiêu chuẩn quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu minh bạch tài chính và quản trị tốt từ các nhà đầu tư toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh thị trường vốn quốc tế phát triển và các rủi ro tài chính gia tăng. Khi IR được tuân thủ theo chuẩn quốc tế, các nhà đầu tư có thể so sánh dễ dàng các quốc gia khác nhau và đưa ra quyết định đầu tư hợp lý. IR cũng giúp cho các quốc gia nâng cao khả năng cạnh tranh công bằng khi thu hút nguồn vốn đầu tư. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Viện Tài chính Quốc tế (IIF) và các tổ chức xếp hạng tín nhiệm như Moody's, S&P và Fitch đã xây dựng các tiêu chí để đánh giá chất lượng và tính minh bạch của các thông tin tài chính và các thông tin về nợ mà quốc gia cung cấp. Các tiêu chí này dựa trên các nguyên tắc cốt lõi của IR trong quản lý nợ công như sau:

(1) Tính minh bạch: Cung cấp thông tin, dữ liệu đầy đủ, rõ ràng và chính xác về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh cho các nhà đầu tư.

(2) Khả năng tiếp cận – Chính phủ và các quan chức cần sẵn sàng giải thích các thông tin, dữ liệu và quyết định, đồng thời tư vấn về chính sách khi cần thiết.

(3) Khả năng dự đoán: Cung cấp thông tin, dự đoán tình hình, triển vọng kinh doanh trong tương lai. Giúp nhà đầu tư có lựa chọn phù hợp nhất.

(4) Độ chính xác – Đảm bảo dữ liệu và thông tin được công bố chính xác, đáng tin cậy và toàn diện nhất có thể, được hỗ trợ bởi các thủ tục và quy trình để đảm bảo chất lượng;

Viện Tài chính Quốc tế (IIF) đưa ra 23 tiêu chí thuộc 7 nhóm lĩnh vực: (i) tổ chức và nhân sự IR; (ii) hạ tầng thông tin và website IR; (iii) công bố dữ liệu vĩ mô và nợ công; (iv) thông tin liên quan đến ESG; (v) kênh phản hồi và tiếp cận nhà đầu tư; (vi) hoạt động IR định kỳ; và (vii) đánh giá nội bộ và cải tiến. Các tiêu chí này sẽ được sử dụng trong nghiên cứu về thực trạng IR trong quản lý nợ công của Việt Nam

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp giữa phân tích tài liệu thứ cấp và đối chiếu với khung tiêu chí quốc tế. Cụ thể, nhóm tác giả tiến hành:

- Tổng hợp các báo cáo, tài liệu chính sách của các tổ chức quốc tế như IMF (2020), IIF (2023, 2024), GIZ (2024);
- Phân tích đối chiếu thực trạng hoạt động IR trong quản lý nợ công của Việt Nam với bộ tiêu chí IR quốc tế do IIF xây dựng;
- So sánh với kinh nghiệm triển khai IR tại một số quốc gia điển hình như Indonesia, Philippines và Kenya nhằm rút ra bài học phù hợp;
- Đánh giá khoảng cách, điểm mạnh/yếu và đề xuất định hướng cải thiện.

Phạm vi dữ liệu được sử dụng chủ yếu là dữ liệu thứ cấp từ báo cáo chính thức của Bộ Tài chính Việt Nam, các báo cáo IR toàn cầu, cổng thông tin chính phủ và các tổ chức nghiên cứu uy tín.

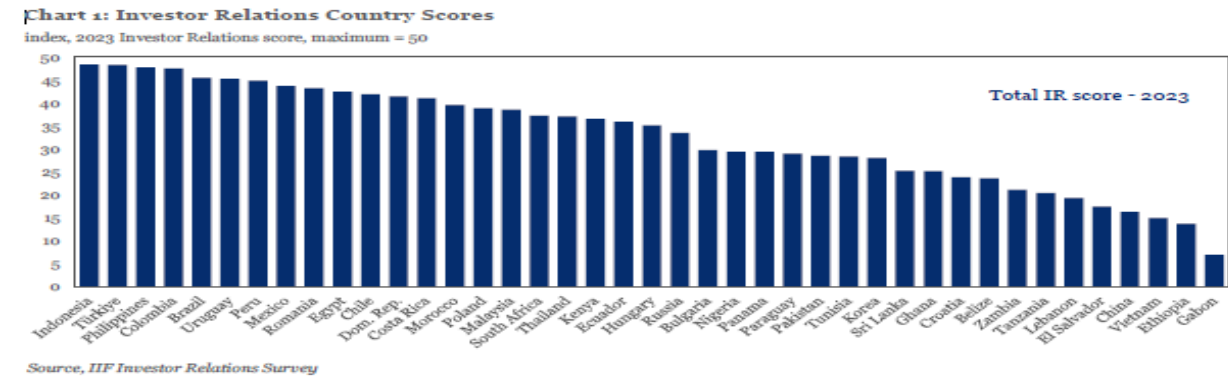
3. Kết quả đánh giá về thực trạng quan hệ nhà đầu tư trong quản lý nợ công tại Việt Nam

3.1. Xếp hạng của Việt Nam dựa trên tiêu chuẩn quốc tế

Trong Đánh giá tổng thể về Quan hệ nhà

đầu tư và Thực hành minh bạch dữ liệu do IIF công bố năm 2023, Indonesia dẫn đầu về điểm số, tiếp theo là Türkiye (vị trí thứ 2), Philippines (thứ 3), Colombia (thứ 4)) và Brazil (thứ 5); xếp sau là Chile (thứ 10), trong khi Việt Nam xếp thứ 39 trên tổng số 41 nước tham gia.

Hình số 01: Điểm số của các quốc gia về Quan hệ Nhà đầu tư



Nguồn: Đánh giá tổng thể về Quan hệ nhà đầu tư (IR) và Thực hành minh bạch dữ liệu năm 2023, IIF

Các quốc gia này nắm giữ những vị trí top đầu trong bảng xếp hạng này do duy trì IR hiệu quả nhờ có một chiến lược IR toàn diện, hệ thống thông tin và dữ liệu có sẵn cho nhà đầu tư, cùng các hoạt động tương tác định kỳ. Điều này giúp họ duy trì sự tin cậy và tạo ra một mạng lưới nhà đầu tư ổn định. Thêm vào đó, Các quốc gia này duy trì liên lạc thường xuyên với nhà đầu tư thông qua các hội nghị nhà đầu tư, các cuộc gặp gỡ trực tuyến, và bản tin định kỳ. Việc này giúp họ hiểu nhu cầu và mối quan tâm của nhà đầu tư, từ đó điều chỉnh chính sách phù hợp.

3.2. Hạn chế của Việt Nam theo đánh giá quốc tế

Năm 2023 xếp hạng về IR của Việt nam là 39/41 tổng số các quốc gia tham dự. Năm 2024 điểm số của Việt nam đã được tăng lên (43/50), vị trí xếp hạng của Việt Nam đã được cải thiện. Tuy nhiên, Việt Nam cũng gặp khó khăn trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Như Việt Nam không có Văn phòng Quan hệ Nhà đầu tư (IRO) cũng như không có nhân viên IR có thể xác định được thông qua trang web,...điều này ảnh hưởng trực tiếp đến đánh giá xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam theo chuẩn quốc tế.

Bảng 1: Nhân viên Phòng Quan hệ nhà đầu tư

Tiêu chí thực hành Quan hệ nhà đầu tư	Điểm tối đa	Indonesia	Türkiye	Philippines	Colombia	Brazil	Chile	Việt Nam
Nhân viên văn phòng Quan hệ nhà đầu tư	5	5	5	5	4.5	5	4.5	0
1. Sự hiện diện của Chương trình quan hệ nhà đầu tư chính thức	2	2	2	2	2	2	2	0
2. Nhân viên IR có thể nhận diện và liên lạc được thông qua trang web	3	3	3	3	2.5	3	2.5	0

Nguồn: Báo cáo minh bạch về nợ và quan hệ nhà đầu tư năm 2023, IIF

Đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm là chìa khóa trong sự tương tác với các nhà đầu tư.

Tiêu chí số 1: Sự hiện diện của Chương trình quan hệ nhà đầu tư chính thức

Chương trình Quan hệ Nhà đầu tư (IRP) chính thức đặc trưng bởi Văn phòng Quan hệ Nhà đầu tư (IRO), các nhân viên IR được chỉ định và một trang web IR. Văn phòng Quan hệ Nhà đầu tư (IRO) là điểm liên lạc chính thức đầu tiên giữa những người tham gia thị trường và cơ quan chức năng. Các cán bộ IR được chỉ định có trách nhiệm liên lạc với các nhà đầu tư. Như IMF (2020) đã nhấn mạnh, nhân viên IR phải có kiến thức chuyên môn cần thiết để kết nối một cách chuyên nghiệp với các nhà đầu tư, trung gian tài chính và các bên liên quan khác. Việc phổ biến dữ liệu, dự báo và thông tin quan trọng liên quan đến nhà đầu tư đều thuộc phạm vi trách nhiệm của nhân viên IR.

Tiêu chí số 2: Nhân viên IR có thể nhận diện và liên lạc được thông qua trang web

Các trang web chính thức phải chứa thông tin liên hệ rõ ràng của nhân viên IR có thể tiếp cận được để nhận các câu hỏi hoặc nhận xét của nhà đầu tư. Thông tin phải được hiển thị rõ ràng, dễ truy cập và cũng có thể được đăng trên các nền tảng truyền thông xã hội có liên quan. Cán bộ phù hợp có thể là nhân viên IR được chỉ định hoặc người chịu trách nhiệm liên lạc với nhà đầu tư như một trong những nhiệm vụ cốt lõi của họ.

Theo IIF (2023), điểm IRW của Việt Nam thấp hơn sáu quốc gia được đánh giá vì vẫn thiếu trang web IR chuyên dụng. Trang web IR là phương tiện cung cấp dữ liệu và thông tin liên quan cho các nhà đầu tư theo cách thiết lập thân thiện với người dùng

Bảng 2: Website Quan hệ Nhà đầu tư

Tiêu chí thực hành Quan hệ nhà đầu tư	Điểm tối đa	Indonesia	Türkiye	Philippines	Colombia	Brazil	Chile	Việt Nam
Trang web quan hệ nhà đầu tư	8	8	8	8	7.5	8	6.4	4.3
3.Một trang web IR chuyên dụng có sẵn bằng cả ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh	3	3	3	3	3	3	1.5	0
4. Ngân hàng Trung ương, Bộ Tài chính và Kinh tế hoặc Kho bạc, và các trang web của Văn phòng Thống kê có sẵn bằng tiếng Anh	3	3	3	3	2.5	3	3	3
5.Liên kết qua lại với các trang web của IRO, Văn phòng Quản lý Nợ, Ngân hàng Trung ương và Bộ Tài chính và Kinh tế	1	1	1	1	1	1	0.9	0.3
6. Các nhà đầu tư có thể đăng ký để nhận thông báo qua trang web	1	1	1	1	1	1	1	1

Nguồn: Báo cáo minh bạch về nợ và quan hệ nhà đầu tư năm 2023, IIF

Tiêu chí số 3: Một trang web IR chuyên dụng có sẵn bằng cả ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh

Trang web IR là phương tiện cung cấp dữ liệu và thông tin liên quan cho các nhà đầu tư theo cách thiết lập thân thiện với người dùng. Đây là một công cụ giúp truyền tải hiệu quả các mục tiêu chính sách của một quốc gia tới thị trường với tùy chọn tìm kiếm phản hồi và trả lời các câu hỏi. Trang web này cũng phải được cập nhật thường xuyên bằng cả ngôn ngữ địa phương và tiếng Anh và hiển thị thông tin ngắn gọn ở định dạng đơn giản, được tổ chức tốt, thân thiện với người dùng và dễ điều hướng. Thông tin trên trang web phải có sẵn cho tất cả các bên liên quan, từ đó tạo điều kiện truy cập đồng thời vào dữ liệu, dự báo và thông tin chung. Nội dung trang web là một trong những thành phần quan trọng nhất để thực hiện chiến lược IR vì các nhà đầu tư kỳ vọng nền tảng này sẽ là điểm truy cập đầu tiên cho tất cả dữ liệu, dự báo, thuyết trình, thông cáo báo chí, kết quả phát hành và các ấn phẩm liên quan đến hoạt động quản lý nợ của chính phủ và câu chuyện tín dụng chung của đất nước.

Tiêu chí số 4: Ngân hàng Trung ương, Bộ Tài chính và Kinh tế hoặc Kho bạc, và các trang web của Văn phòng Thống kê có sẵn bằng tiếng Anh

Một tiêu chí nữa về các thông lệ tốt nhất là các trang web của Ngân hàng Trung ương, Bộ Tài chính và/hoặc Kinh tế (hoặc Kho bạc) và Cục Thống kê đều phải có sẵn bằng tiếng Anh. Các đối tác quan trọng nhất đối với IR hiệu quả là Ngân hàng Trung ương, Bộ Tài chính và Cục Thống kê Quốc gia. Do đó, IMF

khuyến nghị các tổ chức này nên thể hiện cái nhìn tổng quan toàn diện về nền kinh tế, quan điểm chính sách tài chính và tiền tệ, số liệu thống kê liên quan cũng như hiểu biết về chính sách quản lý nợ của chính phủ bằng tiếng Anh.

Tiêu chí số 5: Liên kết qua lại với các trang web của IRO, Văn phòng Quản lý Nợ, Ngân hàng Trung ương và Bộ Tài chính và Kinh tế

Các trang web quan trọng của quốc gia như IRO, Văn phòng Quản lý Nợ, Ngân hàng Trung ương và Bộ Tài chính và/hoặc Kinh tế (hoặc Kho bạc), phải có các liên kết qua lại với các cơ quan chính phủ khác và/hoặc các cơ quan công cộng có liên quan khác. Tiêu chí liên kết tương hỗ sẽ không được đáp ứng một cách toàn diện nếu một cơ quan/cơ quan quốc gia thể hiện sự liên kết của các cơ quan khác không được cơ quan/cơ quan này đáp lại.

Tiêu chí số 6: Các nhà đầu tư có thể đăng ký để nhận thông báo qua trang web

Một trang web cần có một cơ sở để cho phép người xem tham gia vào danh sách gửi thư cho các ấn phẩm và thông cáo báo chí trong tương lai. Dự kiến rằng bất kỳ nhà đầu tư nào đã đăng ký vào trang web liên quan sẽ nhận được thông tin liên quan như công bố dữ liệu, tóm tắt chính sách, buổi giới thiệu và cuộc gọi hội nghị qua e-mail. Ngoài ra Việt Nam đã cho thấy sự tiến bộ trong việc nâng cao tính minh bạch, tính minh bạch dữ liệu hiệu quả ở các yếu tố chính và dữ liệu được trình bày theo định dạng thân thiện với thị trường. Tuy nhiên, theo báo cáo IIF (2023) Việt Nam vẫn chưa đăng ký SDDS/SDDS Plus với IMF.

Bảng 3: Phổ biến số liệu kinh tế vĩ mô và thông tin chính sách

Tiêu chí thực hành Quan hệ nhà đầu tư	Điểm tối đa	Indonesia	Türkiye	Philippines	Colombia	Brazil	Chile	Việt Nam
Phổ biến dữ liệu kinh tế vĩ mô và thông tin chính sách	11	9.5	10.4	10	10.1	9.6	9	5.8
7. Quốc gia đăng ký SDDS/SDDS Plus	1	0.5	0.8	0.8	0.5	1	1	0
8. Minh bạch dữ liệu hiệu quả của các yếu tố chính Dữ liệu được trình bày theo định dạng thân thiện với thị trường	4	3.3	4	3.5	3.6	3.3	3.4	2.4
9. Thực hành minh bạch nâng cao	4	3.7	3.6	3.7	4	3.5	3.1	1.9
10. Dữ liệu được trình bày theo định dạng thân thiện với thị trường	2	2	2	2	2	1.8	1.5	1.5

Nguồn: Báo cáo minh bạch về nợ và quan hệ nhà đầu tư năm 2023, IIF.

Tiêu chí số 7: Quốc gia đăng ký SDDS/SDDS Plus

Việc cung cấp thông tin liên quan đến các bên tham gia thị trường tài chính quốc tế được tạo điều kiện thuận lợi bởi một quốc gia đăng ký Tiêu chuẩn phổ biến dữ liệu đặc biệt (SDDS) của IMF. SDDS được IMF thành lập để hướng dẫn các quốc gia thành viên đang tìm cách tiếp cận thị trường vốn quốc tế. Để tiếp cận thị trường vốn một cách hiệu quả, quốc gia phải cung cấp dữ liệu kinh tế và tài chính theo tiêu chuẩn này, trong đó xác định bốn khía cạnh của việc phổ biến dữ liệu: (1) phạm vi bao phủ, tính định kỳ và tính kịp thời của dữ liệu; (2) công chúng tiếp cận; (3) tính toàn vẹn của dữ liệu được phổ biến; và (4) chất lượng của dữ liệu được phổ biến. Đối với mỗi khía cạnh này, SDDS xác định hai đến bốn yếu tố được giám sát bằng cách tuân theo các phương pháp hay mà người dùng thống kê có thể quan sát được.

Tiêu chí số 8: Minh bạch dữ liệu hiệu quả của các yếu tố chính Dữ liệu được trình bày theo định dạng thân thiện với thị trường

Tính minh bạch tập trung vào cả việc công bố thông tin và các kênh liên lạc với các bên bên ngoài. Cơ quan chức năng của đất nước phải phổ biến kịp thời các dữ liệu quan trọng liên quan đến hoạt động của chính quyền trung ương, nợ chính phủ trung ương và nợ nước ngoài, với số liệu phổ biến mới nhất không quá 12 tháng. Dữ liệu phải có sẵn ở tần suất hàng quý. Về cơ bản, việc đánh giá tính bền vững của nợ và độ tin cậy của con nợ được cải thiện khi thông tin ở cấp độ giao dịch liên quan được công bố công khai. Cuối cùng, chính quyền các nước nên ghi lại rõ ràng cách họ lồng ghép phản hồi của nhà đầu tư vào các quyết định chính sách

Tiêu chí số 9: Thực hành minh bạch nâng cao

Việc nâng cao tính minh bạch cần đòi hỏi phải phổ biến dữ liệu chi tiết về nợ ngoài nghĩa vụ nợ của chính phủ. Theo IIF (2023), năm lĩnh vực thực hành tốt nhất về phổ biến dữ liệu nâng cao cho IR đã được xác định. Những điều này được liên kết trực tiếp với chỉ số minh bạch dữ liệu do IIF xây dựng. Các khu vực là:

(a) Bảo hiểm nợ nên bao gồm: Nợ được bảo lãnh công khai; Nợ của chính quyền địa phương và tiểu bang; Nợ của doanh nghiệp nhà nước (SOE); Các khoản nợ ngoài bảng cân đối kế toán, các khoản nợ dự phòng của khu vực công liên quan đến quan hệ đối tác công-tư (PPP), Nghĩa vụ hưu trí, các hợp đồng mua lại và hoán đổi ngân hàng trung ương; Nợ được thế chấp/hỗ trợ bằng tài nguyên; và Tín dụng thương mại dài hạn.

(b) Cơ cấu chủ nợ và tiền tệ của nợ công nước ngoài theo công cụ, cả nợ trong nước và nợ nước ngoài.

(c) Hồ sơ dịch vụ nợ theo chủ nợ và công cụ, cả nợ trong nước và nước ngoài.

(d) Dữ liệu về cổ phiếu nợ và hồ sơ dịch vụ nợ theo tần suất hàng quý.

(e) Cơ sở dữ liệu có thể truy cập công khai về các báo cáo bạch trái phiếu trong và ngoài nước cũng như dữ liệu ở cấp độ giao dịch về các hợp đồng vay với tất cả các chủ nợ bên ngoài.

Hiệu quả phổ biến được đo lường thông qua thang điểm 4, với điểm tối đa được trao cho những quốc gia có mức độ minh bạch dữ liệu cao nhất

Tiêu chí số 10: Dữ liệu được trình bày theo định dạng thân thiện với thị trường

Dữ liệu kinh tế vĩ mô và ESG phải được hiển thị ở định dạng thân thiện với thị trường và có thể dễ dàng quản lý bằng Microsoft Excel. Thông tin chính sách phải được cung cấp trên một hoặc nhiều trang web với cách bố trí rõ ràng và ngắn gọn nhằm truyền tải những điểm trọng tâm mà các cơ quan chức năng đang muốn truyền đạt. Một số bộ dữ liệu nhất định phải được cung cấp theo chuỗi thời gian. Các quốc gia phải cung cấp tất cả dữ liệu

liên quan và thông tin chính sách bằng tiếng Anh.

Tuy nhiên, các thông tin về nợ như Bản tin Nợ không được công bố thường xuyên, cho thấy sự chậm trễ đáng kể về thời gian so với thông lệ quốc tế. Hơn nữa, dữ liệu được công bố theo Luật Quản lý nợ công năm 2017 còn hạn chế vì không có bất kỳ bình luận hay phân tích kỹ lưỡng nào đi kèm. Ngoại trừ Bản tin Nợ, không có bất kỳ hướng dẫn nào thiết lập tần suất (hàng quý, hàng tháng, v.v.) mà dữ liệu sẽ được công bố. Cuối cùng, điều đáng nói là hiện nay, nếu tổ chức các phiên tương tác, nhà đầu tư không những ít được tiếp cận với thông tin chất lượng cao mà còn khó nắm bắt được các thông tin kinh tế vĩ mô liên quan vì thông tin này không được chia sẻ hoàn toàn do tính chất bí mật. Việt Nam cũng gặp khó khăn trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, như Hệ thống Phổ biến Dữ liệu Đặc biệt (SDDS) của IMF do những hạn chế như chưa có cơ sở hạ tầng công nghệ và hệ thống quản lý thông tin hiện đại để thu thập, lưu trữ và công bố dữ liệu dẫn đến tình trạng thiếu hụt về tính minh bạch và chi tiết của dữ liệu nợ công. Điều này là một thách thức nhưng cũng tạo ra cơ hội để Việt Nam cải thiện và tiến tới một hệ thống IR toàn diện hơn.

Thông tin chính sách và dữ liệu về nợ, ESG là những tiêu chí chính cho IR và tính minh bạch của nợ. Theo báo cáo của IFF (2023), mặc dù Việt Nam đáp ứng được kỳ vọng về tính sẵn có của thông tin chính sách lịch sử và thông tin cấu trúc, và ở mức độ thấp hơn trong việc Phổ biến Dữ liệu ESG và Thông tin Chính sách, nhưng quốc gia này lại đạt điểm 0 cho tiêu chí về tính sẵn có của thông tin chuyển tiếp- tra cứu thông tin chính sách.

Bảng 4: Thông tin chính sách và dữ liệu nợ, ESG

Tiêu chí thực hành quan hệ nhà đầu tư	Điểm tối đa	Indonesia	Türkiye	Philippin	Colombia	Brazil	Chile	Việt Nam
Dữ liệu nợ và ESG và thông tin chính sách (điểm)	11	11	10.6	9.9	10.6	9.5	9.1	4.9
11. Thông tin chính sách lịch sử sẵn có	2	2	2	2	2	2	2	2
12. Thông tin chính sách hướng tới tương lai có sẵn	3	3	3	2	3	3	3	0
13. Thông tin cấu trúc có sẵn	2	2	2	2	2	2	1	2
14. Phổ biến dữ liệu ESG và thông tin chính sách	4	4	3.6	3.9	3.6	2.5	3.1	0.9

Nguồn: Báo cáo minh bạch về nợ và quan hệ nhà đầu tư năm 2023, IIF Tiêu chí số 11:

Thông tin chính sách lịch sử sẵn có

Về thông tin chính sách lịch sử sẵn có, các nhà đầu tư sẽ có thể xác định thông tin chính sách tra cứu cho các lĩnh vực dữ liệu khác nhau theo SDDS của IMF. Đây có thể là báo cáo phát hành hàng năm, báo cáo ổn định tài chính, báo cáo thường niên của Ngân hàng Trung ương hoặc Bộ Tài chính, báo cáo quản lý nợ hoặc kế hoạch vay nợ lịch sử

Tiêu chí số 12: Thông tin chính sách hướng tới tương lai có sẵn

Các nhà đầu tư có thể xác định việc hoạch định chính sách kinh tế của đất nước bằng cách truy cập các báo cáo triển vọng kinh tế toàn diện cho bất kỳ giai đoạn liên quan nào. Theo IFF, việc hoạch định chính sách phải bao gồm các mục tiêu của chính sách tài chính và tiền tệ cũng như các giả định làm cơ sở cho các biến số kinh tế được sử dụng trong các dự báo đó. Hơn nữa, cũng cần đánh giá tác động môi trường của các chính sách ngân sách và tài chính cũng như chiến lược quản lý nợ, kế hoạch vay hàng năm và lịch phát hành chứng khoán của quốc gia.

Tiêu chí số 13: Thông tin cấu trúc có sẵn

Thông tin mang tính cấu trúc đề cập đến các yếu tố như khuôn khổ pháp lý, quy định và quản trị. Dữ liệu về tất cả các yếu tố cấu

trúc này phải được cung cấp cho các bên tham gia thị trường khi thích hợp.

Tiêu chí số 14: Phổ biến dữ liệu ESG và thông tin chính sách

Các chính phủ nên cung cấp luồng thông tin kịp thời về các chính sách ESG và tiến độ thực hiện. Hơn nữa, thông tin về các khía cạnh môi trường và xã hội của chính sách ngân sách và tài chính cần được phổ biến một cách thích hợp. Thông tin này có thể bao gồm việc công bố các cam kết, mục tiêu, dự báo, kịch bản và kết quả mong đợi về khí hậu một cách rõ ràng và phù hợp.

Một yếu tố quan trọng khác trong IR, như IIF (2023) nhấn mạnh, là sự tồn tại của danh sách tập trung các địa chỉ liên hệ nhà đầu tư tích cực của một quốc gia. Đáng tiếc là Việt Nam chưa duy trì được danh sách này. Ngược lại, Indonesia, Philippines và Colombia đều có danh sách liên lạc đang hoạt động và cập nhật, đạt được số điểm tối đa có thể. Danh sách liên hệ phải bao gồm càng nhiều thông tin có sẵn về các nhà đầu tư trong nước và không cư trú hiện tại. Phạm vi cơ bản của danh sách liên hệ IR phải bao gồm các nhà đầu tư trong nước và người không cư trú đã tham gia phát hành nợ của quốc gia. Hơn nữa, cần ghi lại thông tin chi tiết về các nhà đầu tư tiềm năng đã gặp trong các buổi roadshow, hội

nhị và hội thảo giáo dục. Cơ sở dữ liệu cũng có thể được sử dụng để theo dõi và lên kế hoạch cho các sáng kiến quản lý quan hệ chủ động, nhằm duy trì sự hiểu biết và đánh giá cao của nhà đầu tư đối với tín dụng của đất

nước. Sau đó, danh sách liên hệ có thể được mở rộng hơn nữa để bao gồm các tổ chức tài chính có phạm vi bao phủ khu vực hoặc phân khúc thị trường của quốc gia, cũng như các liên hệ có liên quan trên báo chí tài chính

Bảng 5: Danh sách liên hệ IR

Tiêu chí thực hành quan hệ nhà đầu tư	Điểm tối đa	Indonesia	Türkiye	Philippin	Colombia	Brazil	Chile	Việt Nam
Danh sách liên lạc IR (điểm)	3	3	2.6	3	3	1.9	2.6	0
15. Danh sách liên lạc của nhà đầu tư tích cực	3	3	2.6	3	3	1.9	2.6	0

Nguồn: Báo cáo minh bạch về nợ và quan hệ nhà đầu tư năm 2023, IIF.

Tiêu chí số 15: Danh sách liên lạc của nhà đầu tư tích cực

Để tạo và duy trì danh sách liên hệ nhà đầu tư tích cực và hiệu quả, chính phủ nên cập nhật danh sách này ít nhất hai lần một năm. Đồng thời, các quan chức từ các cơ quan và cơ quan chính phủ khác nhau cần được giao nhiệm vụ phân phối thông suốt và kịp thời các thông tin chính sách và kinh tế vĩ mô liên quan đến nhà đầu tư thông qua e-mail ít nhất hai tuần một lần. Các chính sách ESG và tiến trình của chúng đều phải được đưa vào bản tin thông tin hai tuần một lần.

Danh sách liên hệ phải bao gồm càng nhiều thông tin có sẵn về các nhà đầu tư trong nước và không cư trú hiện tại. Phạm vi cơ bản của danh sách liên hệ IR phải bao gồm các nhà đầu tư trong nước và người không cư trú đã tham gia phát hành

nợ của quốc gia. Hơn nữa, cần ghi lại thông tin chi tiết về các nhà đầu tư tiềm năng đã gặp trong các buổi roadshow, hội nghị và hội thảo giáo dục. Cơ sở dữ liệu cũng có thể được sử dụng để theo dõi và lên kế hoạch cho các sáng kiến quản lý quan hệ chủ động, nhằm duy trì sự hiểu biết và đánh giá cao của nhà đầu tư đối với tín dụng của đất nước. Sau đó, danh sách liên hệ có thể được mở rộng hơn nữa để bao gồm các tổ chức tài chính có phạm vi bao phủ khu vực hoặc phân khúc thị trường của quốc gia

Như đã đề cập, trong khi các quốc gia như Indonesia và Philippines đạt được số điểm cao nhất có thể (và Brazil, Türkiye và Colombia đã tiến rất gần đến việc đạt được mục tiêu đó) thì Việt Nam vẫn chưa có kênh truyền thông hoặc phản hồi nhà đầu tư.

Bảng 6: Các kênh phản hồi và liên lạc

Tiêu chí thực hành quan hệ nhà đầu tư	Điểm tối đa	Indonesia	Türkiye	Philippin	Colombia	Brazil	Chile	Việt Nam
Kênh phân phối truyền thông	11	11	10.8	11	10.8	10.9	9.6	0
16. Giao tiếp với nhà đầu tư qua web	2	2	2	2	2	2	1.7	0
17. Các cuộc họp song phương với các nhà đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	0

18. Roadshow không thỏa thuận	1	1	1	1	0.8	1	1	0
19. Cuộc gọi hội nghị với nhà đầu tư	1	1	1	1	1	0.9	0.6	0
20. Phản hồi của nhà đầu tư được phản ánh trong các quyết định chính sách	3	3	3	3	3	3	3	0
21. Các nhà hoạch định chính sách cấp cao có thể tiếp cận với nhà đầu tư	2	2	2	2	2	2	2	0
22. Lưu trữ các bài thuyết trình của nhà đầu tư và/hoặc tài liệu liên quan đến cuộc gọi hội nghị có sẵn trên trang web	1	1	1	1	1	1	0.3	0

Nguồn: Báo cáo minh bạch về nợ và quan hệ nhà đầu tư năm 2023, IIF.

Tiêu chí số 16: Giao tiếp với nhà đầu tư qua web

Các cơ quan chức năng nên trả lời các thắc mắc của nhà đầu tư qua e-mail hoặc thông qua cơ chế phản hồi dựa trên HTML. Để đáp ứng tiêu chí dựa trên Web, cần phải cung cấp hộp thư điện tử chung, địa chỉ email cụ thể hoặc biểu mẫu dựa trên HTML trên các trang web IRO, Ngân hàng Trung ương hoặc Bộ Tài chính (hoặc Kho bạc). Phản hồi phải được gửi trong vòng 36 giờ để đáp ứng tiêu chí này.

IRP nên sử dụng tất cả các phương tiện liên lạc sẵn có để phổ biến dữ liệu, thông tin và tiến hành đối thoại với các nhà đầu tư một cách liền mạch nhất có thể. IRP nên tìm cách thiết lập các kênh liên lạc chính thức giữa các nhà hoạch định chính sách và nhà đầu tư thông qua các cuộc họp song phương, hội nghị từ xa của nhà đầu tư và hội nghị truyền hình.

Tiêu chí số 17: Các cuộc họp song phương với các nhà đầu tư

Chính quyền các nước nên thường xuyên tiến hành các cuộc gặp song phương với các nhà đầu tư. Các cuộc họp có thể được tổ chức trong nước hoặc ở nước ngoài

Tiêu chí số 18: Roadshow không thỏa thuận

Chính quyền các nước phải tiến hành một hoặc nhiều roadshow không thỏa thuận hàng năm. Mục tiêu của roadshow là cung cấp thông tin cập nhật về triển vọng tín dụng và chiến lược tài trợ của quốc gia. Những cuộc gặp này rất hữu ích cho cả hai bên vì chúng cho phép các nhà đầu tư gặp gỡ và đặt câu hỏi trực tiếp với các nhà hoạch định chính sách, đồng thời các nhà hoạch định chính sách có cơ hội tìm hiểu thêm về mối quan tâm của nhà đầu tư. Đôi khi, nhất là khi đất nước đang gặp khó khăn, cần có biện pháp khắc phục, nhà đầu tư cần phải gặp cơ quan chức năng. Sự tham gia của các nhà hoạch định chính sách cấp cao trong các cuộc họp roadshow có thể trở thành một phương tiện quan trọng để thúc đẩy niềm tin giữa các nhà hoạch định chính sách và nhà đầu tư.

Các buổi roadshow không thỏa thuận được thực hiện độc lập với hoạt động tài trợ cụ thể và cung cấp cho khán giả thông tin cập nhật về câu chuyện kinh tế của đất nước và/hoặc (các) phát triển chính sách quan trọng ảnh hưởng đến việc quản lý nợ.

Tiêu chí số 19: Cuộc gọi hội nghị với nhà đầu tư

Chính quyền các nước nên tiến hành các cuộc gọi hội nghị nhà đầu tư thường xuyên để thảo luận về các chính sách và dữ liệu kinh tế quan trọng. Khuyến nghị là những việc này nên được thực hiện ít nhất mỗi quý một lần. Các cuộc gọi phải được công khai và các nhà đầu tư phải được mời qua email và/hoặc thông báo thích hợp trên trang web chính thức. Cả trưởng phòng IRO và trưởng bộ phận cấp cao đều phải chủ trì các cuộc gọi này, cũng có thể có sự tham gia của các nhà hoạch định chính sách cấp cao như trưởng Văn phòng Quản lý Nợ, Thứ trưởng Tài chính hoặc Phó Thống đốc Ngân hàng Trung ương nếu cần.

Như tài liệu của IMF nhấn mạnh, việc mở rộng hồ sơ của chính phủ với các nhà đầu tư là hội nghị với lĩnh vực tài chính là điều quan trọng. Các hội nghị này thường được quản lý/tổ chức bởi các nhà đầu tư (cả trong nước và người nước ngoài), các trung gian tài chính, nhà phân tích tín dụng và báo chí tài chính.

Tiêu chí số 20: Phản hồi của nhà đầu tư được phản ánh trong các quyết định chính sách

Để đáp ứng phản hồi của nhà đầu tư về tiêu chí quyết định chính sách, các nhà hoạch định chính sách cấp cao chính thức phải có khả năng tính đến các đầu vào thị trường liên quan trong các quyết định chính sách của họ. Như IIF nhận xét, các số liệu khảo sát của quốc gia được sử dụng để đánh giá tiêu chí này. Điều quan trọng là tiêu chí này không

tính đến nhận thức của nhà đầu tư về việc liệu phản hồi của họ có được phản ánh trong các quyết định chính sách hay không.

Tiêu chí số 21: Các nhà hoạch định chính sách cấp cao có thể tiếp cận với nhà đầu tư

Đôi khi các nhà hoạch định chính sách cấp cao (như Bộ trưởng, Thống đốc Ngân hàng Trung ương hoặc cấp phó của họ) cần tham gia ít nhất hai trong ba hoạt động sau: (1) các cuộc họp hội nghị, (2) các cuộc họp song phương và (3) các cuộc họp không chính thức, thỏa thuận roadshow. Điều này đặc biệt cần thiết vào những thời điểm niềm tin thị trường đang suy giảm.

Tiêu chí số 22: Lưu trữ các bài thuyết trình của nhà đầu tư và/hoặc tài liệu liên quan đến cuộc gọi hội nghị có sẵn trên trang web

Tài liệu liên quan được trình bày cho các nhà đầu tư tại các buổi roadshow, cuộc gọi hội nghị hoặc các cuộc họp khác phải được lưu trữ trên các trang web chính thức. Các tài nguyên này có thể bao gồm bản phát lại cuộc gọi hội nghị, tài liệu, bản trình bày và bản ghi lại bài phát biểu của các nhà hoạch định chính sách quan trọng.

Theo IIF (2023), Việt Nam không tiến hành tự đánh giá hàng năm các nỗ lực IR của mình, một yếu tố quan trọng của các thông lệ tốt nhất. Ngược lại, các quốc gia như Indonesia, Philippines, Türkiye và Colombia thực hiện tự đánh giá hàng năm, theo các hướng dẫn được yêu cầu trong quá trình đánh giá của IIF.

Bảng 7: Tự đánh giá thường xuyên

Tiêu chí thực hành quan hệ nhà đầu tư	Điểm tối đa	Indonesia	Türkiye	Philippin	Colombia	Brazil	Chile	Việt Nam
Tự đánh giá thường xuyên	1	1	1	1	1	0.8	0.8	0
23. Tự đánh giá thường xuyên IRP	1	1	1	1	1	0.8	0.8	0

Nguồn: Báo cáo minh bạch về nợ và quan hệ nhà đầu tư năm 2023, IIF

Tiêu chí số 23: Tự đánh giá thường xuyên IRP

Các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia phải tiến hành tự đánh giá thường xuyên các nỗ lực IR của mình hàng năm. Những đánh giá này rất quan trọng để xác định những thành công và khoảng cách. Việc đánh giá có thể được thực hiện thông qua bảng câu hỏi khảo sát được phân phát cho cơ sở nhà đầu tư hoặc mẫu đại diện tốt cho cơ sở sau này. Để cung cấp thành công các dịch vụ tốt nhất có thể cho các nhà hoạch định chính sách và nhà đầu tư, IRO nên tiến hành đánh giá hàng năm, bao gồm việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và phù hợp cho tất cả các nhóm nhà đầu tư mục tiêu.

4. Kết luận và khuyến nghị giải pháp**4.1. Kết luận**

Quan hệ nhà đầu tư (IR) trong quản lý nợ công là một công cụ quan trọng để củng cố niềm tin của thị trường, cải thiện khả năng tiếp cận vốn và nâng cao xếp hạng tín nhiệm quốc gia. Thực tiễn triển khai IR tại Việt Nam cho thấy, Việt Nam đang có nhiều bước tiến trong IR, đặc biệt là việc minh bạch hóa dữ liệu tài chính như công bố bản tin về nợ, các số liệu về ngân sách, xây dựng báo cáo tài chính hợp nhất của khu vực chính phủ. Việt Nam cũng đã có những nỗ lực gia tăng tiếp cận với những nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, IR tại Việt Nam còn tồn tại nhiều khoảng trống so với các thông lệ quốc tế, có thể tóm tắt lại một số hạn chế cơ bản như sau:

- **Chưa có văn phòng IR chuyên trách:** Hoạt động IR hiện đang phân tán ở nhiều đơn vị trong Bộ Tài chính, chưa có đầu mối thống nhất và chưa hình thành chiến lược IR quốc gia.

- **Thiếu hạ tầng thông tin chuyên biệt:** Việt Nam chưa có một cổng thông tin điện tử riêng cho IR về nợ công. Thông tin hiện được đăng tải rải rác trên các trang của Bộ Tài chính, Tổng cục Thống kê và các báo cáo tổng

hợp, thiếu tính cập nhật, liên thông và thân thiện với nhà đầu tư.

- **Chậm công bố dữ liệu:** Nhiều số liệu về nợ công và chính sách tài khóa được công bố với độ trễ lớn, thiếu phân tích chuyên sâu và chưa được trình bày theo thông lệ quốc tế (như SDDS của IMF).

- **Thiếu kênh tương tác hai chiều:** Nhà đầu tư quốc tế khó tiếp cận kênh phản hồi hoặc gửi câu hỏi, trong khi nhiều nước trong khu vực đã có đường dây nóng, email IR chuyên biệt và bộ phận phụ trách nhà đầu tư rõ ràng.

Các nguyên nhân chính khiến IR của Việt Nam chưa được cải thiện chủ yếu do Việt Nam chưa có chiến lược IR quốc gia toàn diện; thiếu cơ chế phối hợp liên ngành giữa các đơn vị liên quan đến công bố và tiếp cận thông tin; hạn chế về nguồn lực kỹ thuật, thiếu nhân sự chuyên trách và nền tảng công nghệ và hệ thống quản lý thông tin hiện đại để thu thập, lưu trữ và công bố dữ liệu; thiếu kinh nghiệm triển khai tiếp xúc nhà đầu tư quốc tế.

So với các quốc gia trong khu vực như Indonesia và Philippines, Việt Nam đang ở vị trí thấp hơn đáng kể về điểm số IR, điều này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vay và hiệu quả quản lý nợ, xếp hạng tín nhiệm quốc gia chưa được cải thiện như kỳ vọng; hạn chế tiếp cận các nguồn tài chính dài hạn, đặc biệt cho các chương trình chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.

4.2. Giải pháp và lộ trình thực hiện

Để nâng cao hiệu quả quan hệ nhà đầu tư trong quản lý nợ công, Việt Nam cần triển khai một lộ trình cải cách đồng bộ, theo từng giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, phù hợp với năng lực thể chế và thông lệ quốc tế:

Ngắn hạn (2026 – 2028):

- Nâng cao tần suất (hàng quý/tháng) và chất lượng nội dung Bản tin Nợ, đồng thời đảm bảo dữ liệu được công bố đúng lịch trình, nhất quán, dễ tiếp cận.

- Tăng cường hợp tác liên ngành giữa Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và Tổng cục Thống kê để cải thiện tính sẵn có và độ tin cậy của các biến số kinh tế vĩ mô và tài khóa (GDP, lạm phát, tỷ giá, lãi suất, ngân sách...).

- Cung cấp dữ liệu bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, đồng thời xây dựng một cổng thông tin IR chuyên dụng bằng tiếng Anh làm điểm truy cập trung tâm cho nhà đầu tư quốc tế.

- Hoàn thiện khung pháp lý về IR, làm rõ trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các đơn vị liên quan.

- Phát triển trang web IR song ngữ, thường xuyên cập nhật thông tin tài chính – nợ công – phát hành trái phiếu – báo cáo nhà đầu tư.

- Duy trì liên lạc với nhà đầu tư thông qua hội thảo trực tuyến, bản tin định kỳ và nền tảng số có tính tương tác.

Trung hạn (2026 – 2030):

- Thiết lập Văn phòng IR chuyên trách thuộc Bộ Tài chính, có chức năng điều phối, tổng hợp và công bố thông tin IR, đồng thời là đầu mối tiếp nhận và phản hồi câu hỏi từ nhà đầu tư.

- Xây dựng và triển khai Chiến lược IR quốc gia tích hợp vào Chiến lược Quản lý nợ trung hạn và dài hạn.

- Đẩy mạnh các hoạt động tiếp xúc nhà đầu tư như hội nghị trực tiếp, gặp gỡ song phương, hội thảo với tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế và định chế tài chính.

- Phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ hiện đại hỗ trợ lưu trữ và cung cấp dữ liệu theo tiêu chuẩn quốc tế (ví dụ như SDDS Plus của IMF).

Dài hạn (2030 – 2035):

- Thể chế hóa hoạt động IR như một phần trong quản trị tài chính công; bổ sung vào Luật quản lý nợ công các điều khoản liên quan đến công bố thông tin và tiếp cận nhà đầu tư.

- Đào tạo và nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ IR, bao gồm kỹ năng truyền thông tài chính, phân tích dữ liệu và xử lý thông tin thị trường.

- Nâng cao tính chủ động trong truyền thông chính sách tài khóa và nợ công, đảm bảo nhà đầu tư được cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, nhất quán và minh bạch.

- Học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia điển hình như Indonesia, Philippines, Thổ Nhĩ Kỳ trong sử dụng nền tảng số, minh bạch dữ liệu và đối thoại hai chiều với nhà đầu tư.

Việc triển khai các giải pháp và lộ trình trên một cách đồng bộ và có định hướng sẽ góp phần củng cố lòng tin của thị trường, nâng hạng tín nhiệm quốc gia và cải thiện hiệu quả huy động vốn phục vụ phát triển bền vững

5. Lời cảm ơn

Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn các chuyên gia thuộc Bộ Tài chính Việt Nam, đặc biệt là Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, đã chia sẻ thông tin, dữ liệu và góp ý chuyên môn quý báu trong quá trình thực hiện nghiên cứu này. Đồng thời, nhóm tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các chuyên gia tư vấn của Dự án Hỗ trợ Quản lý Tài chính Công do Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) tài trợ, vì đã hỗ trợ kỹ thuật và cung cấp các báo cáo chuyên sâu liên quan đến hoạt động Quan hệ nhà đầu tư tại Việt Nam và quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bernoth, K., & Wolff, G. B. (2008). Market disruption? Creative accounting, fiscal transparency, and sovereign risk premia. *Scottish Journal of Political Economy*, 55(3), 465–487.
- Financial Times. (2022). Why public debt transparency matters more than ever. Retrieved from <https://www.ft.com>
- Financial Times. (2023). The SEC's distressed debt dragnet. Retrieved from <https://www.ft.com>
- Gelos, G., & Wei, S.-J. (2005). Transparency and international investor behavior. *IMF Working Paper*, WP/05/185.
- Gibbs, E. T., M. C. G., Mahmood, Adedeji, & Aycock. (2024). *Sovereign investor relations: From principles to practice*.
- GIZ & Bộ Tài chính Việt Nam. (2024). *Quan hệ nhà đầu tư trong quản lý nợ công – Chẩn đoán và khuyến nghị đối với Việt Nam*. Báo cáo cuối cùng, Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ).
- International Monetary Fund. (n.d.). *Vietnam: Economic outlook and debt management*. Retrieved from <https://imf.org>
- International Monetary Fund. (2020). *Strengthening the impact of public debt management on market development*. IMF Policy Paper No. 20/204.
- James Knight, & Bill Northfield. (2024). *The vital role of investor relations in supporting stable capital flows*.
- Nguyễn, T. (2015). Quản lý nợ công ở Việt Nam hiện nay: Vấn đề và giải pháp. *Journal of International Economics and Management*. Retrieved from <https://jiemvn.ftu.edu.vn>
- OECD. (n.d.). *Investor relations and communications*. Retrieved from <https://www.oecd.org>
- Quốc hội Việt Nam. (2009). *Luật Quản lý nợ công* (Số 29/2009/QH12, ngày 29 tháng 6 năm 2009). Retrieved from <https://english.luatvietnam.vn>
- Reuters. (2024). Foreign debt financing by Brazilian issuers surges in 2024. Retrieved from <https://www.reuters.com>
- The Times. (2023). Demand falters for government bonds after 'shock and awe' budget. Retrieved from <https://www.thetimes.co.uk>
- The Treasury of Kenya. (2020). *Investor Relations Unit (IRU)*. Retrieved from <https://www.treasury.go.ke>
- Thị Trường Tài Chính Tiền Tệ. (2024). *Mối quan hệ giữa đầu tư công và nợ công ở Việt Nam*. Retrieved from <https://thitruongtaichinhhtiente.vn>
- Ủy ban Chứng khoán Hoa Kỳ (SEC). (n.d.). *Investor relations and disclosure*. Retrieved from <https://www.sec.gov>
- Viện Tài chính Quốc tế (IIF). (2024). *Báo cáo Quan hệ Nhà đầu tư và Minh bạch Dữ liệu năm 2024*. Washington, D.C.
- World Bank. (n.d.). *Public debt management in Vietnam*. Retrieved from <https://worldbank.org>
- Bộ Tài chính Việt Nam. (2022). *Quyết định số 412/QĐ-TTg phê duyệt Đề án cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia đến năm 2030*.
- Đảng Cộng Sản Việt Nam. (2017). *Xác định cơ quan đầu mối quản lý nợ công*. Retrieved from <https://dangcongsan.vn>